

Bản án số: 96/2017/HSST
Ngày 15 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đinh Xuân Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Văn Thủy**
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký TAND huyện Gia Bình ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến

Đại diện VKSND huyện Gia Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thao - Kiểm sát viên

Ngày 15/12/2017, tại trụ sở TAND huyện Gia Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 97/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2017/HSST- QĐ ngày 01/12/2017, đối với các bị cáo:

1. Trần Danh T1, sinh năm 1971; trú tại: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/12; con ông Trần Danh B, sinh năm 1936 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1936; có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 và có 03 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2017 đến 12/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Nguyễn Xuân N, sinh năm 1968; trú tại: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/10; con ông Nguyễn Đình Đ, đã chết và bà Trần Thị N, đã chết; có vợ là: Trần Thị H, sinh năm 1969 và có 01 con sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2017 đến 12/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Đình N, sinh năm 1974, trú tại: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Đình T, đã chết và bà Trần Thị L, sinh năm 1937; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 và có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Là đảng viên sinh hoạt tại chi bộ Đảng thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, đã tạm đình chỉ; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2017 đến 12/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Phạm Tự T, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: thôn L, xã L, huyện U, TP. Hà Nội; nơi đăng ký tạm trú: thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Tự C, sinh năm 1949 và bà Trần Thị H, sinh năm 1951; có vợ là Hoàng Thị Hà T, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2017 đến

12/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

5. Trần Danh T2, sinh năm 1984, trú tại: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Danh T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; vợ, con: Chưa có; tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2017 đến 12/10/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1982, trú tại: Thôn T1, xã T2, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Danh T2, là em ruột chị Trần Thị H, do chị H có nhờ T2 trông nhà hộ nên khoảng 20 giờ ngày 09/10/2017, T2 đi bộ một mình sang nhà chị H. Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 21 giờ cùng ngày, vào những thời điểm khác nhau, Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tụ T có sang nhà chị H chơi và gặp Trần Danh T2. Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tụ T ngồi chơi uống nước được một lúc thì rủ nhau chơi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức “chơi chắn” tại gian bếp nhà chị H. Trần Danh T2 đồng ý cho các đối tượng chơi bạc tại nhà chị H; Nguyễn Xuân N là người trải chiếu, lấy bát sứ; còn bộ bài chắn là do những người chơi nhờ đi mua hộ nên T2 cầm số tiền 20.000đ của những người chơi để dưới chiếu và mua bài chắn ở nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 ở cùng thôn với giá 10.000đ, còn thừa 10.000đ T2 để dưới gạt tàn thuốc là cạnh chiếu.

Hình thức chơi đánh bạc là “đánh chắn”, những người chơi sử dụng bộ bài chắn 100 quân để chơi. Khi bắt đầu chơi những người chơi thỏa thuận với nhau chơi đánh “góp hội”, mỗi hội mỗi người góp 100.000đ để giữa chiếu. Người nào “ù” thì được ăn tiền, ù nhỏ nhất được 20.000đ và ù to nhất thì được khoảng 60.000đ đến 70.000đ, số tiền này người được ù lấy trong hội góp. Các đối tượng chơi đánh bạc đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng, gồm có:

- Thu trên mặt chiếu bạc số tiền 2.600.000đ; 01 (một) đĩa sứ; 01 (một) bát sứ, 01 (một) bộ bài chắn, thu dưới đĩa sứ số tiền 10.000đ; 01 chiếu cói.
- Thu giữ trên người Trần Danh T1 số tiền 3.200.000đ.
- Thu giữ trên người Lê Đình N số tiền 1.650.000đ.
- Thu giữ trên người Phạm Tụ T số tiền 614.000đ.
- Thu giữ trên người Nguyễn Xuân N số tiền: 200.000đ.

Tại Cáo trạng số 92/Ctr – VKS ngày 20/11/2017 của VKSND huyện Gia Bình đã truy tố các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tụ T, Trần Danh T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tụ T đều thừa nhận: Vào ngày 09/10/2017, có tham gia chơi đánh bạc ăn tiền tại gian bếp nhà ở chị Trần Thị H với hình thức là “đánh chắn”. Cách chơi, mức độ sát phạt nhau như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Tổng số tiền thu trên

chiếu bạc và thu trên người các bị cáo mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc là: 8.274.000đ. Các bị cáo khai số tiền các bị cáo mang theo như sau: Trần Danh T1: khoảng 3.400.000đ; Phạm Tự T: 814.000đ, Nguyễn Xuân N: khoảng 320.000đ, Lê Đình N: 1.950.000đ.

Trần Danh T2 thừa nhận đồng ý cho các đối tượng khác chơi đánh bạc tại gian bếp nhà ở của chị H (mà T2 đang trông coi). T2 không yêu cầu ai phải nộp tiền cũng không tham gia đánh bạc nhưng là người trực tiếp mua bài cho các bị cáo khác đánh bạc.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như các trạng đã truy tố.

Đại diện VKSND huyện Gia Bình thực hành quyền công tố tại phiên toà công bố bản luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Luận tội và đề nghị HĐXX:

1. Về trách nhiệm hình sự :

Tuyên bố các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2 phạm tội “Đánh bạc”;

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 248; h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Khoản 3 Điều 7 và điểm x, Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Trần Danh T1** từ 6 – 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 -18 tháng.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 248; h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt mỗi bị cáo **Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2** từ 6 – 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của BLHS năm 1999, Điều 76 của BLTTHS.

Đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền Việt Nam: 8.274.000 đồng

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đĩa sù; 01 (một) bát sù, 01 (một) bộ bài chắn, 01(một) chiếu cói.

Sau khi nghe bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản luận tội đã nêu.

Khi được trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Tại phiên toà, các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của

các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã được thu hồi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 21 giờ ngày 09/10/2017, Trần Danh T2 đã cho Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T chơi đánh bạc ăn tiền với hình thức là “đánh chắn” tại gian bếp nhà ở của chị Trần Thị H. Nguyễn Xuân N là người trải chiếu, lấy bát sứ; Trần Danh T2 là người mua bộ bài chắn. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì các bị cáo bị lực lượng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tổng số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người các bị cáo mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc là: 8.274.000đ. Số tiền này không khớp với tổng số tiền các bị cáo khai nhận mang theo đi đánh bạc nhưng theo quy định tại Điểm 3, Khoản 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc bao gồm: a) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc; b) Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc; c) Tiền hoặc hiện vật thu giữ ở những nơi khác mà có đủ căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc.*” nên có đủ căn cứ xác định tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.274.000đ, phù hợp với số tiền thu giữ theo biên bản phạm pháp quả tang mà cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình đã lập.

Xét thấy, các bị cáo (**Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T**) có hành vi đánh bạc trái phép với mục đích nhằm sát phạt nhau được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 8.274.000đ, lớn hơn mức khởi điểm của số tiền dùng để đánh bạc bị truy cứu trách nhiệm hình sự là từ 5.000.000đ theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Khoản 3 Điều 7 và Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo **Trần Danh T2** tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo đã đồng ý cho các bị cáo khác chơi đánh bạc tại nhà chị H khi bị cáo trông nhà hộ chị H và trực tiếp mua bài chắn cho các bị cáo khác chơi đánh bạc. Do bị cáo không yêu cầu ai phải nộp tiền, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc dưới 20.000.000đ, số người tham gia đánh bạc dưới 10 người...nên bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Gá bạc” nhưng căn cứ vào Nghị quyết số 01/2010/NQ - HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội “Đánh bạc” với vai trò giúp sức.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định cáo trạng của VKSND huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh truy tố các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là an toàn công cộng, trật tự công cộng. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương và hoạt động bình

thường của xã hội. Hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo hiểu và biết được hậu quả của hành vi đánh bạc mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Các bị cáo nhất thời phạm tội, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình thực hiện tội phạm do vậy không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo **Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T** đều rủ nhau thực hiện tội phạm và đều là người thực hành tích cực, tham gia chơi bạc từ đầu đến cuối. Bị cáo **Trần Danh T1** là người có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất nên có vai trò lớn hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo **Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T** có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít hơn, trong đó ít nhất là Nguyễn Xuân N nhưng Nguyễn Xuân N lại là người trải chiếu, lấy bát sứ. Do vậy, **Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T** có vai trò ngang nhau và đều tích cực thực hiện việc phạm tội.

Bị cáo **Trần Danh T2** vì nể nang nên đã cho các bị cáo khác chơi đánh bạc ở nhà chị ruột mình và mua bài chắn cho các bị cáo khác đánh bạc, bị cáo không tham gia đánh bạc mà chỉ phải chịu trách nhiệm về đồng phạm phạm tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức do vậy bị cáo xếp vai trò sau cùng nên chịu mức án thấp hơn so với các bị cáo còn lại.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cả năm bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Bị cáo **Trần Danh T2** có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Khoản 3 Điều 7 và điểm x, Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 của Quốc Hội.

Từ những phân tích ở trên, xét thấy, cả năm bị cáo đều có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác, tội phạm mà các bị cáo thực hiện đều do nhất thời, không phải tự điếm đánh bạc thường xuyên; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn; bản thân các bị cáo đều là những người làm ăn lương thiện, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù nhưng không dưới một năm và không quá năm năm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T không coi đánh bạc là nghề nghiệp kiếm sống, bị cáo Trần Danh T2 không trực tiếp tham gia đánh bạc, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền Việt Nam: 8.274.000 đồng là số tiền thu trên chiếu bạc và số tiền các bị cáo khai dùng để đánh bạc là bất hợp pháp nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) đĩa sù; 01 (một) bát sù, 01 (một) bộ bài chắn, 01 (một) chiếu cói là công cụ phạm tội, xét giá trị sử dụng không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra:

Đối với anh Trần Đình Q, sinh năm 1981, HKTT: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh cũng có mặt khi lực lượng Công an bắt quả tang các bị cáo đang đánh bạc. Do anh Q chỉ xem và không có hành vi đánh bạc hay giúp sức các bị cáo khác chơi đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị H là chủ nhà nơi các bị cáo chơi đánh bạc. Do chị nhờ T2 trông nhà hộ, chị không biết việc các bị cáo chơi bạc tại nhà mình và cũng không biết việc T2 cho các bị cáo khác chơi bạc nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị H, là người bán bộ bài chắn cho T2. Do chị không biết T2 mua bộ bài chắn về cho các bị cáo chơi bạc nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2 phạm tội “Đánh bạc”;

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Khoản 3 Điều 7 và điểm x, Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt **Trần Danh T1 06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt **Lê Đình N 06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt **Nguyễn Xuân N 06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt **Phạm Tự T 06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt **Trần Danh T2 04 (Bôn)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2 cho Ủy ban nhân dân xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

***. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 của BLHS năm 1999, Điều 76 của BLTTHS.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền Việt Nam: 8.274.000 đồng

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đĩa sứ; 01 (một) bát sứ, 01 (một) bộ bài chắn, 01 (một) chiếu cói.

Toàn bộ vật chứng nêu trên, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2017.

***. Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Danh T1, Lê Đình N, Nguyễn Xuân N, Phạm Tự T, Trần Danh T2 mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

*** Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia Bình;
- Chi cục THA huyện Gia Bình (HLPL);
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Xuân Tuấn
(đã ký)